



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

10.09.2025

MARKET INSIGHTS REPORT

QUÃNG NGHĨ VỚI THANH KHOẢN THẤP THƯỜNG THẤY

CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS) | BÁO CÁO THỰC HIỆN BỞI TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

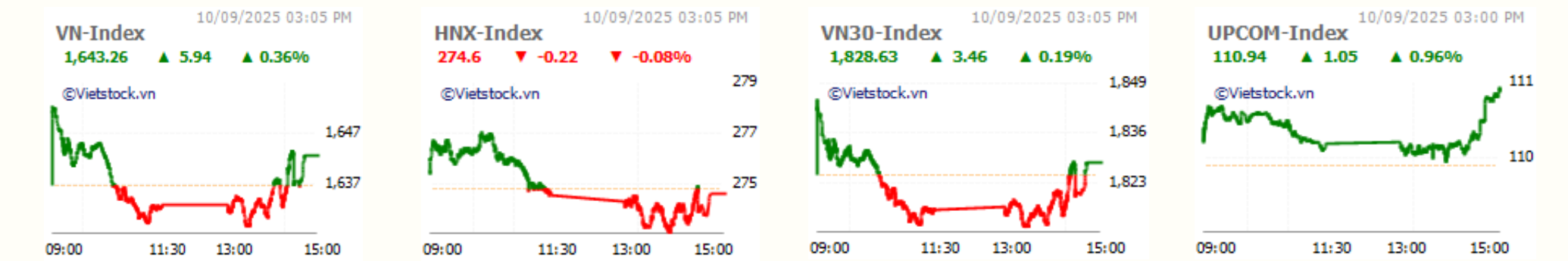
08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	375
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	149
Số cổ phiếu giảm giá	171
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	55

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	209
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	79
Số cổ phiếu giảm giá	70
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	60

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	370
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	162
Số cổ phiếu giảm giá	94
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	114

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	49,452.17	145,691.13	(96,238.96)
% KL toàn thị trường	4.90%	14.43%	
Giá trị	1,865,940	4,803,121	(2,937,181)
% GT toàn thị trường	6.25%	16.10%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	3,155.73	5,933.89	(2,778.16)
% KL toàn thị trường	4.90%	14.43%	
Giá trị	83,151	153,136	(69,985)
% GT toàn thị trường	2.27%	4.18%	

UPCOM

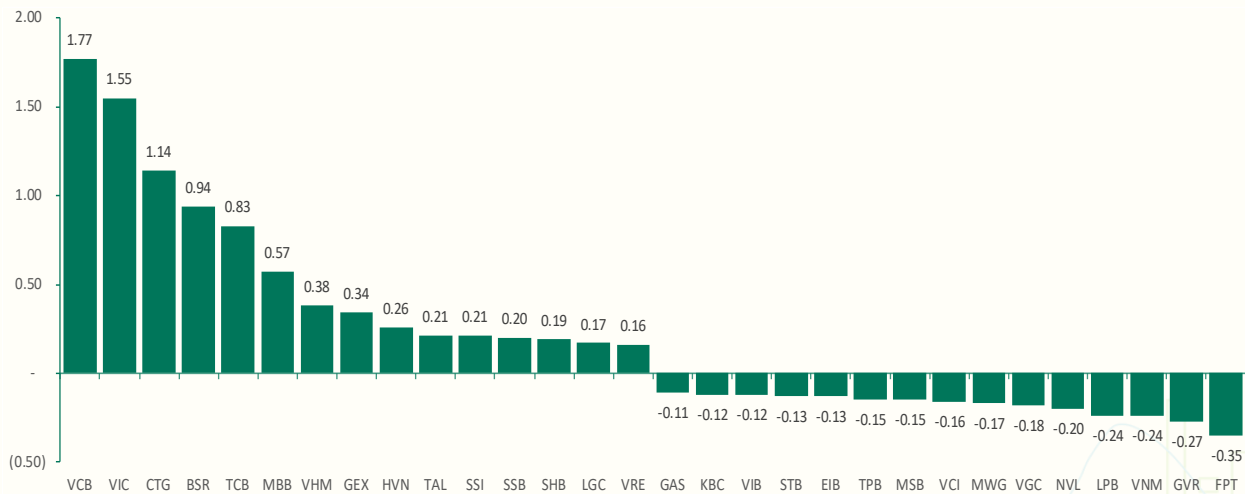
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	537.49	568.20	(30.71)
% KL toàn thị trường	1.34%	1.42%	
Giá trị	13,488	21,828	(8,340)
% GT toàn thị trường	2.15%	3.49%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	5,006,400	65,800	900 (1.39%)	11.96	2.57	5,501	549,803
2	VIC	1,985,100	130,900	1,700 (1.32%)	37.01	3.20	3,537	507,707
3	VHM	3,897,900	101,800	400 (0.39%)	14.46	1.81	7,039	418,135
4	BID	5,472,700	40,700	50 (0.12%)	10.25	1.76	3,972	285,769
5	TCB	25,909,000	39,000	500 (1.3%)	12.68	1.70	3,075	276,363
6	CTG	11,991,700	50,500	900 (1.81%)	9.01	1.66	5,606	271,185
7	VPB	22,042,300	32,450	50 (0.15%)	14.80	1.69	2,193	257,456
8	HPG	52,455,800	28,850	0 (0%)	13.74	1.51	2,100	221,437
9	MBB	28,898,300	26,950	300 (1.13%)	6.22	1.29	4,331	217,082
10	FPT	5,498,500	101,200	-900 (-0.88%)	17.26	3.76	5,862	172,395

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	+0.37%	+33.34%	1,601
▼ Tài chính	+0.51%	+35.48%	104
> Tổ chức tín dụng	+0.63%	+33.40%	29
> Dịch vụ tài chính	-0.30%	+59.67%	62
> Bảo hiểm	+0.66%	+14.86%	13
▶ Bất động sản	+0.37%	+90.76%	133
▼ Công nghiệp	+0.79%	+25.28%	402
> Vận tải	+0.83%	+20.87%	117
> Hàng hóa công nghiệp	+0.83%	+34.79%	232
> Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	-0.24%	+33.85%	53
▼ Tiêu dùng thiết yếu	-0.01%	+0.06%	169
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.01%	+0.19%	156
> Thương mại hàng thiết yếu	-0.19%	0%	9
> Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	+0.22%	+8.69%	4
▶ Nguyên vật liệu	+0.09%	+15.99%	284
▶ Tiện ích	0%	+5.96%	154
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	-0.17%	+21.14%	187
> Thương mại hàng không thiết yếu	-0.43%	+16.75%	65
> Dịch vụ tiêu dùng	-0.01%	+2.99%	37
> Thời trang và hàng lâu bền	+0.40%	+57.77%	72
> Xe và linh kiện	+1.15%	-0.76%	13
▼ Dịch vụ truyền thông	-0.07%	-20.72%	41
> Dịch vụ viễn thông	-0.06%	-22.32%	18
> Truyền thông và giải trí	-0.14%	+12.49%	23
▶ Năng lượng	+2.41%	-0.14%	53
▼ Công nghệ thông tin	-0.81%	-22.41%	16
> Phần mềm và dịch vụ	-0.83%	-22.67%	9
> Phần cứng và thiết bị	+0.81%	+21.96%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	+0.21%	+3.93%	58
> Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	+0.21%	+6.99%	47
> Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	+0.13%	-29.64%	11

Quảng nghỉ với thanh khoản thấp thường thấy

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 5.94 điểm (+ 0.36%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Năng lượng, xe và linh kiện, vận tải, hàng hóa công nghiệp, bảo hiểm, tổ chức tín dụng, thời trang và hàng hóa lâu bền, bất động sản, nguyên vật liệu...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như BSR, PVS, OIL, PVT, DRC, CSM, SRC, HVN, GMD, VSC, HAH, CII, GEX, PC1, CTD, DPG, BVH, VCB, BID, CTG, MBB, SHB, SSB, VGT, TNG, GIL, VGG, VIC, VHM, TAL, HT1, DGC, MSR, MZG...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) BSR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu giảm về vùng giá hỗ trợ 23 – 25 (khoảng trống giá và vùng giá mục tiêu sóng của 4 điều chỉnh) – Hiện đang trong quá trình tạo đáy sóng 4;
- ✓ Sóng 5 tăng giá có mục tiêu 31 – 35;
- ✓ PVN có khả năng thoái khoảng 2,13% cổ phần, và các cuộc thảo luận với các nhà đầu tư tiềm năng đang được tiến hành cũng có thể là thông tin hỗ trợ giá BSR;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 59%;

(ii) VSC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang ở khu vực hỗ trợ sóng 4 giảm giá là 24 – 27;
- ✓ Viconship (VSC) nâng kế hoạch lãi năm 2025 lên 1.250 tỷ đồng – Mức lãi này có được nhờ sự đóng góp rất lớn của các hoạt động tài chính của công ty bao gồm đầu tư vào các cổ phiếu trong hệ sinh thái GEX và thoái vốn khỏi cảng xanh;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

(iii) CTG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang vận động theo sóng 5 tăng giá với mục tiêu 56;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 61%;

(iv) VGT tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Doji";

- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VGT gần như vận động đi ngang quanh vùng giá 12 – 13.5;
- ✓ Xu hướng cổ phiếu chỉ xác nhận khi khối lượng tăng lên và vượt qua khung hộp;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 60%;

(v) VHM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VHM đang vận động trong sóng 4 giảm giá với hỗ trợ 90;
- ✓ Sóng 5 tăng giá nếu hình thành sẽ có mục tiêu 133;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(vi) TAL tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

(2) Phần mềm dịch vụ, dịch vụ tài chính, dịch vụ viễn thông, thực phẩm đồ uống và thuốc lá...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như FPT, CMG, VND, VCI, HCM, FTS, MBS, HCM, VDS, VGI, CTR, VNM, SAB, QNS, HAG...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VCI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Closing Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VCI đã hoàn thành sóng 5 và chưa rõ sẽ là pha chuyển tiếp để hình thành sóng 5 mở rộng hay là sóng giảm lúc này – NĐT nên quan sát cổ phiếu và đặt lệnh Trailing Stop để phòng diễn biến tiêu cực;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 50%;

(ii) HAG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 4 giảm giá với hỗ trợ quanh 14 – 15 (Cũng là hỗ trợ động MA(50)) – NĐT nên quan sát khả năng tạo đáy vùng này;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 59%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Quảng nghỉ để nhìn lại – Không rõ ràng

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Small Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm thấp hơn mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 3,005 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VPB, BAF, DBC, FUEVFNVD, TAL, DPG, MBS, VHC, HVN, SHB... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: HPG, MWG, MBB, DIG, NVL, TCB, SSI, STB, VHM, VND...NĐT cá nhân đóng vai trò mua ròng trong phiên hôm nay trong khi tự doanh và khối ngoại đóng vai trò bán ròng. Khác với giai đoạn 2021 khi tỷ trọng giao dịch của NĐT chiếm tới 85 -90% giá trị giao dịch, ở giai đoạn hiện tại chúng tôi thấy dòng tiền tổ chức chiếm 50% giá trị giao dịch. Kinh nghiệm cho thấy khi tổ chức chiếm giao dịch với tỷ trọng cao thì khả năng giảm sốc sẽ khó xảy ra hơn trừ khi có những sự kiện kinh tế chính trị tạo hiệu ứng tiêu cực rất lớn.

(ii) VN-Index tiếp tục hồi tốt vào cuối phiên hôm nay nhưng giao dịch hiện tại khó có thể khẳng định điều chỉnh đã kết thúc hay chưa. Có mấy điểm cần xem xét: (a) Thanh khoản suy giảm liệu có phải là vấn đề của thị trường lúc này – Có lẽ là không bởi những lần phục hồi gần nhất từ các đợt điều chỉnh trong quá trình lên sau sự kiện thuế quan, thị trường đều bắt đầu từ những nền giao dịch thấp như vậy. Về cơ bản có lẽ NĐT đang có xu hướng quan sát trước khi nhập cuộc. (b) Nhóm cổ phiếu điều chỉnh trước như DBC đã có Break out hình thành mô hình hai đáy. Ít nhất điều này cũng cho thấy dòng tiền vẫn có sự luân chuyển dù khá dè dặt.

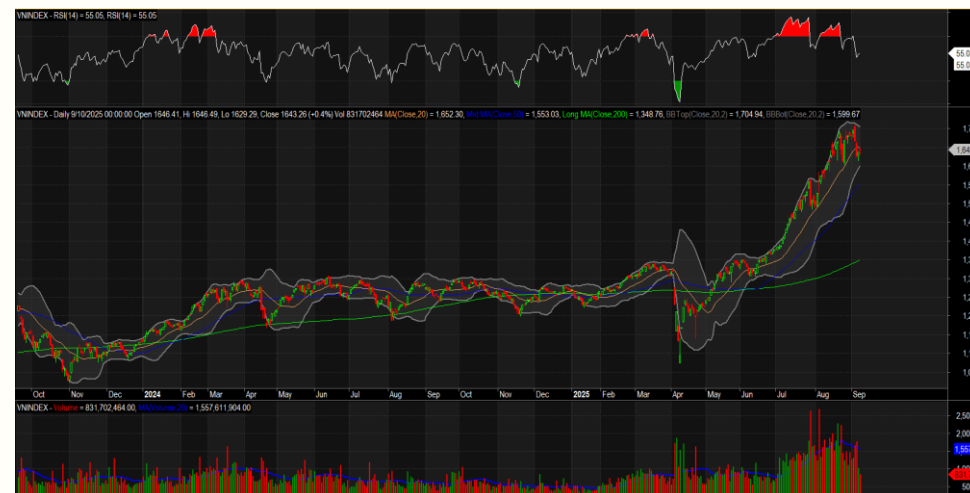
Các cổ phiếu có giá đột biến trong phiên hôm nay là MZG, HT1, C69, TAL, RYG...

Các cổ phiếu mua tích lũy trong phiên hôm nay là DBC, KSB...

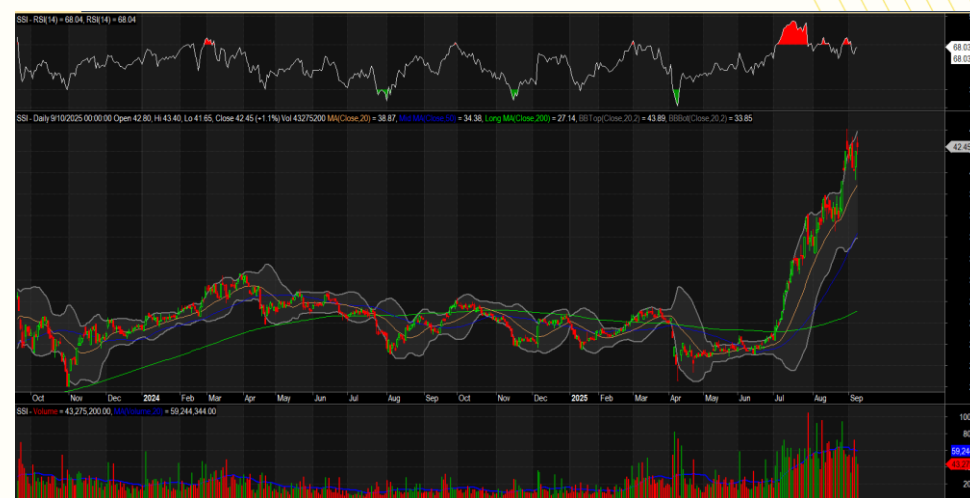
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 01 mã cho tín hiệu mua, 04 mã cho tín hiệu bán, 25 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã SSI...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 50% và 50% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch không rõ tăng hay giảm điểm với giá đóng cửa cũng không rõ cao hay thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Hỗ trợ là 1,600 điểm và kháng cự là 1,650 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu SSI



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	605.46	606.04	604.88	YES	610.95	617.59	623.08	629.72	598.82	593.33	586.69	581.2
HNINDEX	274.89	275.03	274.74	YES	276.76	278.93	280.8	282.97	272.72	270.85	268.68	266.81
UPINDEX	110.42	110.44	110.39	YES	110.89	111.42	111.89	112.42	109.89	109.42	108.89	108.42
VN30	1824.95	1823.11	1826.79	NO	1838.63	1848.62	1862.3	1872.29	1814.96	1801.28	1791.29	1777.61
VNINDEX	1639.68	1637.89	1641.47	NO	1650.07	1656.88	1667.27	1674.08	1632.87	1622.48	1615.67	1605.28
VNXALL	2833.54	2834.17	2832.9	YES	2859.94	2887.62	2914.02	2941.7	2805.86	2779.46	2751.78	2725.38
VN30FIM	1820.53	1818.4	1822.67	NO	1835.07	1845.33	1859.87	1870.13	1810.27	1795.73	1785.47	1770.93
VN30FIQ	1804.7	1801.85	1807.55	NO	1816.4	1822.4	1834.1	1840.1	1798.7	1787	1781	1769.3
VN30F2M	1817	1815.9	1818.1	YES	1829.1	1839	1851.1	1861	1807.1	1795	1785.1	1773
VN30F2Q	1797	1793.5	1800.5	NO	1811	1818	1832	1839	1790	1776	1769	1755
BCM	67.33	67.25	67.42	NO	68.07	68.63	69.37	69.93	66.77	66.03	65.47	64.73
ACB	26.62	26.65	26.58	NO	26.78	27.02	27.18	27.42	26.38	26.22	25.98	25.82
BID	40.87	40.95	40.78	NO	41.18	41.67	41.98	42.47	40.38	40.07	39.58	39.27
BVH	57.43	57.5	57.37	NO	58.07	58.83	59.47	60.23	56.67	56.03	55.27	54.63
CTG	50.5	50.5	50.5	YES	51.4	52.3	53.2	54.1	49.6	48.7	47.8	46.9
GVR	28.48	28.58	28.39	NO	28.72	29.13	29.37	29.78	28.07	27.83	27.42	27.18
GAS	62.03	62.1	61.97	NO	62.37	62.83	63.17	63.63	61.57	61.23	60.77	60.43
FPT	101.73	102	101.47	NO	102.37	103.53	104.17	105.33	100.57	99.93	98.77	98.13
HDB	31.4	31.3	31.5	NO	31.85	32.1	32.55	32.8	31.15	30.7	30.45	30
HPG	28.82	28.8	28.83	YES	29.23	29.62	30.03	30.42	28.43	28.02	27.63	27.22
LPB	41.93	41.92	41.94	YES	42.62	43.28	43.97	44.63	41.27	40.58	39.92	39.23
MBB	27.1	27.17	27.03	NO	27.4	27.85	28.15	28.6	26.65	26.35	25.9	25.6
MSN	80.8	80.7	80.9	NO	81.6	82.2	83	83.6	80.2	79.4	78.8	78
MWG	75.43	75.4	75.47	YES	76.37	77.23	78.17	79.03	74.57	73.63	72.77	71.83
PLX	35.5	35.55	35.45	NO	35.75	36.1	36.35	36.7	35.15	34.9	34.55	34.3
SAB	46.33	46.38	46.29	YES	46.52	46.78	46.97	47.23	46.07	45.88	45.62	45.43
SHB	17.65	17.58	17.72	NO	17.95	18.1	18.4	18.55	17.5	17.2	17.05	16.75
SSB	19.93	19.92	19.94	YES	20.12	20.28	20.47	20.63	19.77	19.58	19.42	19.23
SSI	42.5	42.53	42.47	YES	43.35	44.25	45.1	46	41.6	40.75	39.85	39
STB	54.07	54.15	53.98	NO	54.73	55.57	56.23	57.07	53.23	52.57	51.73	51.07
TCB	39.13	39.2	39.07	NO	39.67	40.33	40.87	41.53	38.47	37.93	37.27	36.73
TPB	19.35	19.42	19.28	NO	19.6	20	20.25	20.65	18.95	18.7	18.3	18.05
VHM	101.3	101.05	101.55	NO	102.9	104	105.6	106.7	100.2	98.6	97.5	95.9
VCB	65.53	65.4	65.67	NO	66.27	66.73	67.47	67.93	65.07	64.33	63.87	63.13
VIB	20.93	20.95	20.92	YES	21.17	21.43	21.67	21.93	20.67	20.43	20.17	19.93
VIC	129.63	129	130.27	NO	132.27	133.63	136.27	137.63	128.27	125.63	124.27	121.63
VJC	144.1	143.7	144.5	NO	146.4	147.9	150.2	151.7	142.6	140.3	138.8	136.5
VNM	60.03	60.15	59.92	NO	60.37	60.93	61.27	61.83	59.47	59.13	58.57	58.23
VPB	32.4	32.38	32.42	YES	33	33.55	34.15	34.7	31.85	31.25	30.7	30.1
VRE	30.42	30.33	30.51	NO	30.78	30.97	31.33	31.52	30.23	29.87	29.68	29.32

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
DBC	15,924,600	7,564,410	211	3.34
TAL	3,200,800	593,970	539	6.94
DRH	2,823,200	742,540	380	-6.92
HTI	2,522,200	1,143,810	220.51	6.98
S99	1,709,300	250,340	683	9.78
VNE	1,192,200	331,780	359	4.01
VHE	889,300	199,510	445.74	4.17
TNT	768,600	228,530	336	-0.96
C47	483,100	165,620	292	6.91
SJD	439,200	154,500	284.27	-0.31
BCC	348,200	145,420	239	5.88
SCI	315,700	35,870	880	5.56
SJS	218,800	59,150	370	-1.39
D2D	204,500	81,950	250	2.88
TV3	110,000	8,810	1248.58	-2.17
NXT	87,800	41,050	214	3.33
MKP	74,200	7,190	1,032	7.84
NNC	65,500	29,780	220	1.99
VCX	52,600	2,710	1,941	0
DAT	51,400	8,420	610.45	6.94
C32	49,800	14,690	339	3.89
LPT	48,100	21,800	221	-6.02
HNB	47,700	670	7,119	-3.76
VEF	37,400	12,370	302	-1.13
DDN	35,100	12,070	290.8	0
BTB	33,000	750	4,400	0
CET	32,100	4,100	783	1.96
BWS	31,400	11,250	279	-0.29
SGN	30,900	14,930	207	0
TXM	30,700	9,270	331	8.33
VEC	30,500	9,740	313	4.2
E12	29,700	3,000	990	-15
SBV	24,000	2,330	1,030	-0.47
AIG	23,500	10,470	224	0
CC1	22,500	4,010	561	12.5
SD3	21,900	2,650	826	0
HWS	21,100	10,150	208	-1.37
GMX	20,400	9,870	207	5.42
PSE	19,800	6,580	301	0.83
DP3	19,200	9,370	205	0.19

- Lưu ý: DBC, TAL...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
9-Sep	VIC	Mua	≤ 130	10% -20%	Sóng 5 tăng giá mở rộng với mục tiêu 170
9-Sep	DBC	Mua	≤ 29	10% -20%	Đáy đôi đang hình thành - Nên mua khi cổ phiếu có xu hướng Break out kháng cự 28.6

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Thị trường ngoại tệ: Phiên 09/09, NHNN giữ nguyên niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.236 VND/USD. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 24.025 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn; tỷ giá bán giao ngay ở mức 26.447 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.388 VND/USD, giảm 26 đồng so với phiên 08/09. Tỷ giá trên thị trường tự do không thay đổi ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 26.915 VND/USD và 27.015 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 09/09, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,04 – 0,30 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên đầu tuần, cụ thể: ON 4,20%; 1W 4,50%; 2W 4,72% và 1M 5,20%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giữ nguyên ở kỳ hạn ON trong khi giảm 0,01 đpt ở các kỳ hạn 1W và 2W, tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1M, giao dịch tại: ON 4,30%; 1W 4,36%; 2W 4,40%, 1M 4,44%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp biến động nhẹ trái chiều, chốt phiên ở mức: 3Y 2,76%; 5Y 3,01%; 7Y 3,36%; 10Y 3,54%; 15Y 3,62%.
- Nghịệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 7 ngày, 2.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 3.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày và 1.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Có 1.000 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, 2.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 3.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày, không có khối lượng trúng thầu ở kỳ hạn 91 ngày. Có 340,06 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, hôm qua NHNN bơm ròng 5.659,94 tỷ đồng ra thị trường qua nghiệp vụ thị trường mở. Có 157.078,64 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

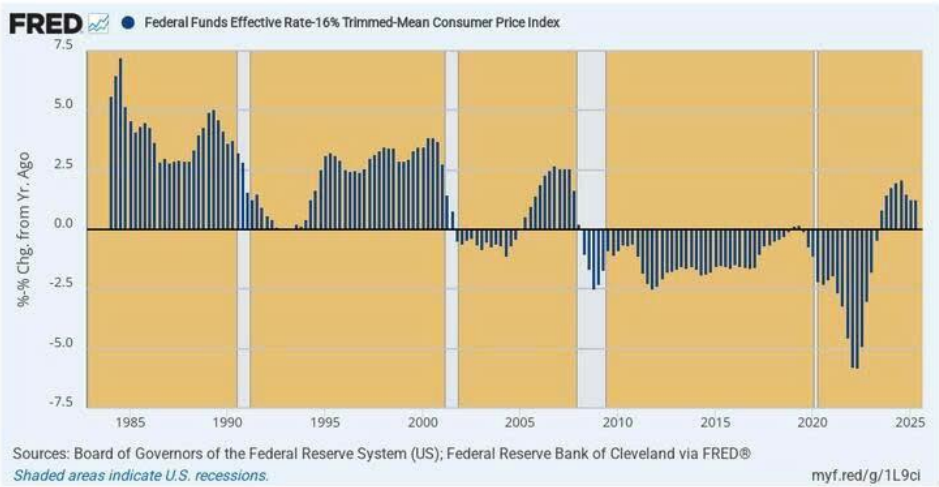
Hiệu suất sinh lời VN-Index theo tháng

Diễn biến VN-Index từng năm theo tháng

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
2000							1.55%	13.39%	4.83%	16.68%	19.80%	22.58%
2001	18.84%	2.69%	6.70%	19.22%	25.91%	23.75%	-15.56%	-34.34%	-11.87%	6.48%	10.85%	-18.41%
2002	-11.83%	-7.93%	4.74%	4.16%	-0.65%	-2.44%	-2.22%	-2.99%	-4.97%	-2.48%	0.15%	3.07%
2003	-5.97%	-4.51%	-11.66%	4.90%	-0.20%	0.02%	-3.91%	-2.47%	-2.38%	-2.23%	20.31%	1.87%
2004	28.38%	21.59%	6.46%	-4.69%	-4.70%	-0.91%	-4.51%	-2.54%	0.35%	-0.26%	-1.30%	4.24%
2005	-2.49%	0.76%	4.85%	-0.11%	-0.82%	1.05%	-0.52%	3.65%	13.69%	6.25%	1.28%	-1.23%
2006	1.57%	25.08%	28.90%	18.25%	-9.50%	-4.33%	-18.07%	16.28%	7.24%	-2.88%	23.75%	18.75%
2007	38.52%	9.25%	-5.83%	-13.76%	17.06%	-5.25%	-11.39%	0.05%	15.25%	1.74%	-8.71%	-4.66%
2008	-8.94%	-21.42%	-22.08%	1.07%	-20.73%	-3.55%	13.01%	21.34%	-16.61%	-24.01%	-9.31%	0.28%
2009	-3.93%	-18.95%	14.23%	14.57%	27.99%	8.92%	4.13%	17.14%	6.24%	1.07%	-14.14%	-1.84%
2010	-2.59%	3.09%	0.46%	8.65%	-6.45%	-0.06%	-2.60%	-7.86%	-0.13%	-0.42%	-0.22%	7.33%
2011	5.34%	-9.64%	-0.07%	4.12%	-12.23%	2.63%	-6.20%	4.86%	0.51%	-1.59%	-9.53%	-7.65%
2012	10.36%	9.19%	4.10%	7.42%	-9.41%	-1.59%	-1.87%	-4.45%	-0.87%	-1.06%	-2.73%	9.50%
2013	15.97%	-1.09%	3.47%	-3.37%	9.25%	-7.19%	2.23%	-3.89%	4.22%	0.97%	2.08%	-0.62%
2014	10.28%	5.38%	0.87%	-2.29%	-2.76%	2.87%	3.10%	6.81%	-5.95%	0.34%	-5.70%	-3.70%
2015	5.58%	2.86%	-6.99%	2.04%	1.27%	4.12%	4.72%	-9.07%	-0.37%	7.95%	-5.63%	1.02%
2016	-5.83%	2.59%	0.33%	6.62%	3.35%	2.23%	3.16%	3.43%	1.65%	-1.45%	-1.59%	-0.03%
2017	4.87%	1.94%	1.62%	-0.63%	2.80%	5.24%	0.91%	-0.10%	2.77%	4.08%	13.45%	3.61%
2018	12.81%	1.31%	4.41%	-10.58%	-7.52%	-1.08%	-0.46%	3.47%	2.79%	-10.06%	1.29%	-3.67%
2019	2.03%	6.02%	1.58%	-0.11%	-2.02%	-1.04%	4.39%	-0.77%	1.27%	0.23%	-2.81%	-1.01%
2020	-2.54%	-5.81%	-24.90%	16.09%	12.40%	-4.55%	-3.24%	10.43%	2.67%	2.24%	8.39%	10.05%
2021	-4.28%	10.59%	1.97%	4.02%	7.15%	6.06%	-6.99%	1.64%	0.80%	7.62%	2.37%	1.34%
2022	-1.29%	0.76%	0.14%	-8.40%	-5.42%	-7.36%	0.73%	6.15%	-11.59%	-9.20%	1.99%	-3.94%
2023	10.34%	-7.78%	3.90%	-1.46%	2.48%	4.19%	9.17%	0.09%	-5.71%	-10.91%	6.41%	3.27%
2024	3.04%	7.59%	2.50%	-5.81%	4.32%	-1.30%	0.50%	2.59%	0.32%	-1.82%	-1.11%	1.31%
2025	-0.14%	3.19%	0.11%	-6.16%	8.67%	3.26%	9.19%	11.33%				
Average	4.72%	1.47%	0.79%	2.15%	1.61%	0.95%	-1.20%	1.71%	0.16%	-0.51%	1.97%	1.66%
Median	2.03%	2.59%	1.62%	1.07%	-0.20%	-0.06%	-0.46%	1.64%	0.51%	-0.26%	0.15%	1.02%
Số phiên tăng	14	17	19	13	12	12	12	15	15	12	13	14
Số phiên giảm	11	8	6	12	13	13	13	10	10	13	12	11

Chu kỳ lãi suất thực âm liệu có kết thúc ?

Inflation-Adjusted Federal Funds Rate, 1984 to 2025



Annualized Rate of Real GDP Change, 1971 to 2025



DowJones vẫn yếu trong khi Nasdaq vẫn tăng mạnh nhờ kỳ vọng giảm lãi suất

IBM sẽ quay trở lại chu kỳ tăng giá nhờ chính phủ Mỹ mua cổ phần ?



RDDT thiết lập mô hình tăng giá cốc tay cầm ?



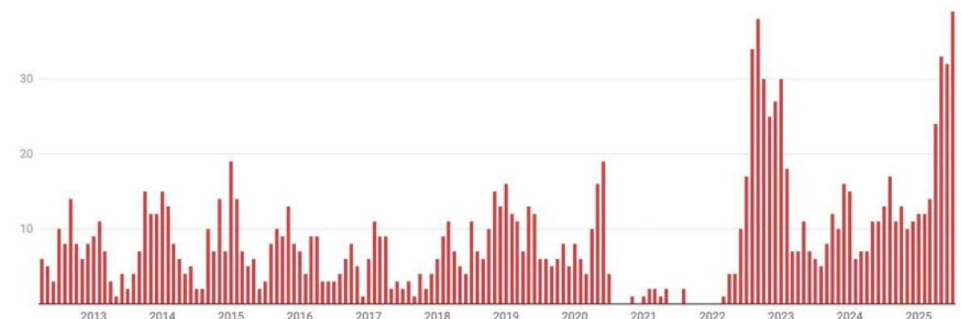
RCL đang thiết lập mẫu hình cá cờ tăng giá ?



Giá nhà bắt đầu suy yếu – Khả năng giảm lãi suất ngày càng tăng

Home Prices Fell in a Record 39 Major U.S. Metros in July

Number of the 50 Most Populous U.S. Metros Recording a Month-Over-Month Decline in Home Prices



Source: Redfin Home Price Index • Get the data • Created with Datawrapper

Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)



<https://www.aas.com.vn>



1900 1811



trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

